

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-12-2024

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Thái Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:
Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ F, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Hoàng Đình T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ F, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị T vắng mặt có đơn xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Đình T1 chung sống vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, do anh T1 đi làm về không lo cho gia

đình, tiền làm được tự tiêu xài không lo cho các con, toàn bộ công việc kinh tế gia đình là để mình chị T tự lo, thường xuyên uống rượu, vợ nói không nghe, mâu thuẫn gia đình liên tục xảy ra, cuộc sống không vui ảnh hưởng đến các con. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hoàng Thị Yến N, sinh năm 2003 và Hoàng Phi H, sinh ngày 30-12-2011. Hai cháu vẫn còn đi học, hiện con chung đang sống với chị T. Chị T xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Đình T1 không đến Tòa, không có lời trình bày, vắng mặt không lý do.

Tại phiên toà:

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đỗ Thị T đối với anh Hoàng Đình T1.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Hoàng Thị Yến N, sinh năm 2003 và Hoàng Phi H, sinh ngày 30-12-2011. Hiện 02 con chung đang sống với chị T, cháu Yến N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết, chị T xin nuôi con chung là cháu Phi H có sự đồng ý của con chung nên cần giao con chung Phi H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị T có đơn xin vắng mặt. Anh T1 là bị đơn trong vụ án vắng mặt không lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự mời anh T1 lên Tòa làm việc nhưng anh không đến cũng như không có lời khai về vụ án, anh T1 biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án hôn nhân của anh chị, anh T1 có nhận ký tên các văn bản tố tụng của Tòa án giao, Tòa án có tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh T1 là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T1 chung sống vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, do anh T1 đi làm về không lo cho gia đình, tiền làm được tự tiêu xài không lo cho các con, toàn bộ công việc kinh tế gia đình mình chị T tự lo, thường xuyên uống rượu, không thay đổi nên mâu thuẫn gia đình liên tục xảy ra kéo dài, cuộc sống không vui ảnh hưởng đến các con. Hiện vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm nhau, không lo lắng nên chị T xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng, mối quan hệ vợ chồng chung sống cần có sự hiểu nhau, chia sẻ, đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và cùng có trách nhiệm với gia đình, con cái. Trong mối quan hệ vợ chồng của chị T, anh T1 không còn sự chia sẻ và đồng cảm, không hiểu nhau, không còn tình cảm, không hạnh phúc, không chia sẻ trong cuộc sống vợ chồng được sẽ là gánh nặng của nhau. Hiện chị T, anh T1 không còn tình cảm nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận.

Anh T1 không đến Tòa, không có lời trình bày, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa cho anh T1, anh T1 nhận các văn bản của Tòa nhưng anh không đến Tòa là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Hoàng Thị Yến N, sinh năm 2003 và Hoàng Phi H, sinh ngày 30-12-2011. Hiện cháu Yến N đã trưởng thành có

cuộc sống riêng, chị T không yêu cầu giải quyết. Chị T xin nuôi cháu Phi H, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị T đối với anh Hoàng Đình T1. Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Hoàng Đình T1.

2. Về con chung: Cháu Hoàng Thị Yến N đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Giao cháu Hoàng Phi H, sinh ngày 30-12-2011 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009733 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, chị T đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cái Thị Minh Tâm